

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2023/HS-ST**
Ngày: 31-03-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tươi, ông Vũ An Quân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 181/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 14 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 04 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HSST-QĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 01 tháng 02 năm 2023, Thông báo về việc tạm dừng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ngày 16 tháng 02 năm 2023, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 20 tháng 02 năm 2023, Thông báo về việc tạm dừng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ngày 06 tháng 03 năm 2023, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa ngày 16 tháng 03 năm 2023 đối với bị cáo:

Đinh Thị D, sinh năm 1985 tại Hải Dương.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại 28 P, phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Duy Q (đã chết) và bà Đinh Thị D; có chồng là anh Đinh Văn T3 và 02 con (con lớn sinh

năm 2006, con nhỏ sinh năm 2009); tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/8/2022 đến nay (*Có mặt tại phiên tòa*).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ngô Thị N, sinh năm 1983; Trú tại C29 chợ T4, phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương.

- Anh Tăng Xuân T, sinh năm 1997; Trú tại khu Thanh Liễu, phường Tân Hưng, thành phố H2, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997; Trú tại phố H3, thị trấn T5, huyện T6, tỉnh Hải Dương.

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1994; Trú tại thôn T7, xã T8, huyện T9, tỉnh Hải Dương.

- Chị Quách Thị H, sinh năm 1990; Trú tại số 8 T10, phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương.

- Chị Đinh Thị H1, sinh năm 1997; Trú tại ngõ 26 C1, phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Tăng Xuân T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Thị D làm lao động tự do, để kiếm thêm thu nhập D đã nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao để hưởng lợi dưới hình thức vay tín chấp, không kỳ hạn. Khi có người vay tiền thì D trực tiếp đưa tiền cho người vay, hai bên thỏa thuận miệng về lãi suất và cách thức trả lãi, gốc theo đó cứ 01 tháng trả tiền lãi 01 lần, ngày vay tiền cũng là ngày đóng lãi tháng đầu tiên của khoản vay, không có định ngày phải trả gốc lần lãi mà do hai bên tự thỏa thuận nếu D có việc cần phải thu hồi tiền gốc thì sẽ báo trước cho người vay nửa tháng để chuẩn bị tiền và ngược lại khi nào người vay có tiền trả thì hợp đồng kết thúc. Để phục vụ việc quản lý và nhắc người vay tiền thanh toán tiền lãi theo hạn thì D dùng chiếc điện thoại Iphone13 Pro Max có lắp sim số 0984.741.335 để ghi trong phần ghi chú tên người vay, số tiền vay, ngày tháng cho vay tiền, lãi suất cho vay. Ngày 08/6/2022, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương nhận được đơn tố giác tội phạm (đơn giấu tên) tố giác Đinh Thị D có hành vi cho vay tiền với lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01 ngày. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương tiến hành triệu tập D đến trụ sở cơ quan điều tra để làm việc. Ngày 17/7/2022, D đã đến trụ sở Cơ quan điều tra làm việc và tự nguyện khai nhận hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/4/2022, D đã thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng với lãi suất từ 109,50%/năm đến 182,50%/năm như sau:

1. Cho chị Ngô Thị N vay lãi nặng 04 lần, gồm:

- Ngày 15/8/2021, D cho chị N vay 100.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (viết tắt: BLDS). Đến ngày 15/4/2022, chị N đã trả 72.000.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 13.150.685đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 58.849.315đ. Khoản vay này chị N chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 15/4/2022 đối với chị N.

- Ngày 11/01/2022, D cho chị N vay 40.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 11/5/2022, chị N đã trả 18.000.000đ tiền lãi, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 14.712.329đ. Khoản vay này chị N chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 11/5/2022.

- Ngày 30/3/2022, D cho chị N vay 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 30/4/2022, chị N đã trả 3.600.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 657.534đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 2.942.466đ. Khoản vay này chị N chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 30/4/2022.

- Ngày 14/4/2022, D cho chị N vay 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,50%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 14/5/2022, chị N đã trả 900.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 164.384đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 735.616đ. Khoản vay này chị N chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 14/5/2022.

Tổng số tiền D cho chị N vay là 170.000.000đ tiền gốc với mức lãi suất gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Chị N chưa trả D tiền gốc, D thu 94.500.000đ tiền lãi trong đó mức lãi suất 20%/năm là 17.260.274 đ, thu lợi bất chính số tiền là 77.239.726đ.

2. Cho anh Tăng Xuân T vay lãi nặng 03 lần, gồm:

- Ngày 21/9/2021, D cho anh T vay 100.000.000đ với lãi suất 3.500đ/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 127,75%/năm, gấp 6,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 21/12/2021, anh T đã trả 31.500.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 4.931.507đ, số tiền lãi

vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 26.568.493đ. Khoản vay này anh T chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 21/12/2021.

- Ngày 31/01/2022, D cho anh T vay 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 30/4/2022, anh T đã trả 2.700.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 493.151đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 2.206.849đ. Khoản vay này anh T chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 30/4/2022.

- Ngày 01/4/2022, D cho anh T vay 20.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 01/5/2022, anh T đã trả 1.800.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 328.767đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.471.233đ. Khoản vay này anh T chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 01/5/2022.

Tổng số tiền D cho anh T vay là 130.000.000đ tiền gốc với mức lãi suất gấp 5,4 lần đến 6,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Anh T chưa trả D tiền gốc, D thu 36.000.000đ tiền lãi trong đó mức lãi suất 20%/năm là 5.753.425đ, thu lợi bất chính số tiền là 30.246.575đ.

3. Cho chị Nguyễn Thị T1 vay lãi nặng 03 lần, gồm:

- Ngày 13/10/2020, D cho chị T1 vay 40.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 30/6/2021, chị T1 đã trả 32.400.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 5.917.808đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 26.482.192đ. Khoản vay này chị T1 chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 30/6/2021.

- Ngày 16/11/2020, D cho chị T1 vay 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 16/6/2021, chị T1 đã trả 7.200.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 1.315.068đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 5.884.932đ. Khoản vay này chị T1 chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 16/6/2021.

- Ngày 14/5/2021, D cho chị T1 vay 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 14/6/2021, chị T1 đã trả 1.800.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 328.767đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 1.471.233đ. Khoản vay này chị T1 chưa thanh toán tiền gốc, D không lấy lãi từ ngày 14/6/2021.

Tổng số tiền D cho chị T1 vay là 60.000.000đ tiền gốc với mức lãi suất gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. D thu 41.400.000đ tiền lãi trong đó mức lãi suất 20%/năm là: 7.561.643đ, thu lợi bất chính số tiền là 33.838.357đ.

4. Cho chị Nguyễn Thị T2 vay lãi nặng 01 lần:

Ngày 05/01/2022, D cho chị T2 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, gấp 5,4 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 09/6/2022, chị T2 đã trả 5.400.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 1.063.014đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 4.336.986đ. Khoản vay này chị T2 chưa thanh toán tiền gốc, D không tính lãi từ ngày 09/6/2022.

5. Cho chị Quách Thị H vay lãi nặng 01 lần:

Ngày 04/11/2021, D cho chị H vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 5.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 182,50%/năm, gấp 9,1 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 04/6/2022, chị H đã thanh toán 21.000.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 2.301.370đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 18.698.630đ. Khoản vay này chị H chưa thanh toán tiền gốc, D không tính lãi từ ngày 04/6/2022.

6. Cho chị Đinh Thị H1 vay lãi nặng 01 lần:

Ngày 16/4/2022, D cho chị H1 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/01 triệu đồng/01ngày, tương đương lãi suất 146,00%/năm, gấp 7,3 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Đến ngày 16/6/2022, chị H1 đã trả 4.800.000đ tiền lãi, số tiền lãi tương ứng 20%/năm là 657.534đ, số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là 4.142.466đ. Khoản vay này chị H1 chưa thanh toán tiền gốc, D không tính lãi từ ngày 16/6/2022.

Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max vỏ màu vàng, số IMEI: 359481984809946, lắp sim số 0984.741.335 hiện quản lý tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Hải Dương. Số tiền lãi thu được bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền D thu lợi bất chính, chị Ngô Thị N, anh Tăng Xuân T, chị Nguyễn Thị T1, chị Quách Thị H, chị Nguyễn Thị T2 và chị Đinh Thị H1 đều không yêu cầu D phải hoàn trả. Ngày 21/10/2022, bị cáo đã trả lại cho chị T1, chị H, chị T2, chị H1 mỗi người 3.000.000đ là số tiền bị cáo thu lợi bất chính.

Ngày 17/11/2022, chị Đinh Thị H1 và chị Quách Thị H giao nộp cho Tòa án giấy biên nhận đã trả một phần số tiền nợ gốc cho bị cáo D.

Ngày 17/02/2023, Đinh Thị D giao nộp 01 Biên lai thu tiền bị cáo nộp 12.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự T phố Hải Dương.

Tại Cáo trạng số 168/CT-VKSTPHD ngày 31/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Đinh Thị D về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự (viết tắt: BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ N quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Đinh Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, khoản 2 Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Xử phạt bị cáo Đinh Thị D từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung Đinh Thị D từ 30.000.000đ đến 35.000.000đ nộp ngân sách nhà nước. Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 359481984809946, tịch thu và tiêu hủy 01 sim viettel số 0984.741.335; nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.000.000đ mà Đinh Thị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; truy thu nộp ngân sách nhà nước của Đinh Thị D số tiền 36.597.260đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của chị Ngô Thị N số tiền 170.000.000đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của anh Tăng Xuân T số tiền 130.000.000đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của chị Nguyễn Thị T1 số tiền 60.000.000đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của chị Nguyễn Thị T2 số tiền 10.000.000đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của chị Quách Thị H số tiền 17.000.000đ, truy thu nộp ngân sách nhà nước của chị Đinh Thị H1 số tiền 9.000.000đ. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai nhận hành vi như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố. Lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi của bị cáo:* Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ; Biên bản làm việc về việc giải trình

thông tin, dữ liệu trong điện thoại của bị cáo và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 13/10/2020 đến ngày 16/4/2022 tại địa bàn thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Đinh Thị D đã cho 06 người gồm: chị Ngô Thị N, anh Tăng Xuân T, chị Nguyễn Thị T1, chị Quách Thị H, chị Nguyễn Thị T2 và chị Đinh Thị H1 vay tổng số tiền 410.000.000đ, với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm gấp từ 5,4 đến 9,1 lần lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 BLDS. Tổng số tiền lãi bị cáo thu được là 203.100.000đ, trong đó số tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm là 34.597.260đ, D thu lời bất chính 168.502.740đ (*Một trăm sáu mươi tám triệu, năm trăm linh hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu T tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân T phố Hải Dương truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] *Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý đối với bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo T khẩn khai báo, đã hoàn trả người liên quan một phần số tiền thu lợi bất chính và đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] *Về hình phạt bổ sung:* Xét bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm thu lợi bất chính nên cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] *Về xử lý vật chứng:*

[4.1] Đối với 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max do bị cáo giao nộp là công cụ, pH tiện dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 sim số 0984.741.335 không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy.

[4.2] Số tiền 410.000.000đ D sử dụng cho chị N, anh T, chị T1, chị H, chị T2, chị H1 vay là phương tiện phạm tội và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS mà D đã thu là 34.597.260đ là tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu nộp ngân sách nhà nước. Chị H1 đã trả cho D 11.000.000đ tiền nợ gốc. Chị H đã trả cho D 3.000.000đ tiền nợ gốc. D đã nộp 12.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương là số tiền nợ

gốc chị H1, chị H trả cho bị cáo nên cần nộp ngân sách nhà nước. Như vậy, đến thời điểm xét xử chị N, anh T, chị T1, chị H, chị T2, chị H1 chưa trả D số tiền nợ gốc tương ứng lần lượt là 170.000.000đ, 130.000.000đ, 60.000.000đ, 17.000.000đ, 10.000.000đ, 9.000.000đ nên cần truy thu của D số tiền 36.597.260đ và truy thu của chị N số tiền 170.000.000đ, truy thu của anh T số tiền 130.00.000đ, truy thu của chị T1 số tiền 60.000.000đ, truy thu của chị H số tiền 17.000.000đ, truy thu của chị T2 số tiền 10.000.000đ, truy thu của chị H1 số tiền 9.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

[4.3] Bị cáo đã hoàn trả chị N, chị T1, chị H, chị T2, chị H1 mỗi người 3.000.000đ. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp và tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền thu lợi bất chính nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] *Về tố tụng và các vấn đề khác*:

[6.1] Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, chuẩn bị xét xử vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[6.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng với anh Tăng Xuân T vắng mặt tại địa phương, không rõ đang ở đâu, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan đến anh T. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[6.3] Quá trình điều tra xác định, từ ngày 22/01/2022 đến 26/4/2022 D đã cho chị Ngô Thuỳ N, anh Tăng Xuân T vay tiền với tổng số tiền 350.000.000 đồng, mức lãi suất từ 2.000đ/01 triệu đồng/ngày đến 2.500đ/01 triệu đồng/ngày, tương đương tỷ lệ lãi suất từ 73%/năm đến 91,25%/năm. Hành vi của Đinh Thị D không đăng ký ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự mà cho vay tiền với mức lãi suất cho vay vượt quá 20%/năm, nhưng chưa gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS nên ngày 14/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với D.

[6.4] Ngày 25/7/2021, D cho chị Nguyễn Thị T1 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 3.000đ/01 triệu đồng/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm. Ngày 25/8/2021, chị T1 đã đến gặp D xin không trả lãi, D không lấy lãi của khoản vay này nên không xử lý là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201, điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 35, khoản 1, 2, 5 Điều 65, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đinh Thị D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Xử phạt bị cáo Đinh Thị D 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/03/2023).

Giao bị cáo Đinh Thị D cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố H2, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Phạt bổ sung Đinh Thị D 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu cho phát mại 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 359481984809946 nộp ngân sách nhà nước. Tịch thu và tiêu hủy 01 sim viettel số 0984.741.335.

- Nộp ngân sách nhà nước số tiền 12.000.000đ Đinh Thị D đã nộp (do anh Đinh Văn Trường nộp thay) theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0002025 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Hải Dương.

- Truy thu của Đinh Thị D số tiền 36.597.260đ (Ba mươi sáu triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Ngô Thị N số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của anh Tăng Xuân T số tiền 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Nguyễn Thị T1 số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Nguyễn Thị T2 số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Quách Thị H số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của chị Đinh Thị H1 số tiền 9.000.000đ (Chín triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương ngày 24/11/2022).

5. Về án phí: Bị cáo Đinh Thị D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP. Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Hải Dương;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Linh

